TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST Ngày: *06-8- 2018* V/v ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Ông Nguyễn Việt Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Văn Toản - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1967 (có mặt)

2. Bị đơn: ÔngNguyễn Thanh H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng HKTT: Tổ 1, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước
Hiện cùng cư trú: Ấp 11, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 3 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim C và ôngNguyễn Thanh H chung sống với nhau vào năm 1989 không đăng ký kết hôn, năm 1999 bà C xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Bình Long và được Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn nhưng sau đó ông H, bà C về đoàn tụ chung sống lại với nhau đến năm 2009 thì vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai đều còn độc thân. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hòa hợp. Ông H hay nhậu nhẹt về nhà gây gỗ vô cớ mắng chửi, xỉ nhục đánh đập bà C. Năm 2016 bà C nộp đơn xin ly hôn tại tòa án nhân

dân huyện Chơn Thành yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn nhưng do ông H yêu cầu được sống ly thân hứa thay đổi sữa chữa bản thân nên bà C đồng ý rút đơn về, từ ngày đó vợ chồng cũng sống ly thân cho đến nay. Tuy nhiên, từ thời điểm bà C rút đơn đến nay ông H cũng không chịu thay đổi bản tính, vẫn nhậu nhẹt về nhà mắng chửi đánh đập hành hạ bà C nên bà không thể chịu đựng được nữa. Nay bà C nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thiện H sinh năm 1989 và Nguyễn Trần Quỳnh O, sinh năm 1994. Do các con đã trưởng thành nên bà C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C không yêu cầu tòa giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ôngNguyễn Thanh H để ông H đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của ông H được

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Bị đơn ông H vắng mặt đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 44/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2018 nhưng ông H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến

+ Việc chấp hành theo quy định của pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm; Đối với đương sự: từ khi thụ lý vụ án tới nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 của BLTTDS.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy bà Trần Thị Kim C và ông Nguyễn Thanh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước vào năm. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H

Căn cứ Điều 9, Điều 51 luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề xuất

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Trần Thị Kim C được ly hôn với ôngNguyễn Thanh H

Về con chung: không đề cập do đương sự không có yêu cầu

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên cũng không đề cập.

Về án phí: Đề nghị HĐXX xem xét nghĩa vụ nộp án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1)}Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn bà Tràn Thị Kim C, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do bị đơn ôngNguyễn Thanh H có nơi cư trú tại ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ôngNguyễn Thanh H nhưng do ông H đã được Tòa án nhiều triệu tập để giải quyết vụ án và xét xử nhưng ông H vắng mặt không có lý do chính đáng do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

{2}Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tràn Thị Kim C, Hội đồng xét xử xét thấy:

{2.1}Về quan hệ hôn nhân: ÔngNguyễn Thanh H và bà Tràn Thị Kim C tự nguyện sống chung với vào năm chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước vào năm 2009 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay bà C cho rằng quá trình chung sống vợ chồng ông bà thường xuyên mâu thuẫn do do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hòa hợp. Ông H hay nhậu nhẹt về nhà gây gỗ vô cớ mắng chửi, xỉ nhục đánh đập bà C. Ông bà chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng có nhiều mâu thuẫn nên năm 1999 bà C, ông H được Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Sau đó ông H, bà C về đoàn tụ chung sống lại với nhau và năm 2009 thì ông bà đăng ký kết hôn lại. Năm 2016 bà C nộp đơn xin ly hôn tại tòa án nhân dân huyện Chơn Thành yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn nhưng do ông H yêu cầu được sống ly thân hứa thay đổi sữa chữa bản thân nên bà C đồng ý rút đơn về, từ ngày đó vợ chồng cũng sống ly thân cho đến nay. Tuy nhiên, từ thời điểm bà C rút đơn đến nay ông H cũng không chịu thay đổi bản tính, vẫn nhậu nhẹt về nhà mắng chửi đánh đập hành hạ bà C nên bà không thể chịu đựng được nữa. Lời trình bày của bà C cũng phù hợp với chứng cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 58/QĐCNTTLH ngày 18/10/1999 của Tòa án nhân dân huyện Bình Long, Thông báo thụ lý vụ án số 251/TB-TLVA ngày 23/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành và 02 nội dung ghi âm mà bà C cung cấp cho Tòa án. Như vậy, hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà C và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà C, cho bà C được ly hôn với ông H.

{2.2}Về nuôi con chung: Bà C, ông H có 02 con chung tên Nguyễn Trần Thiện H sinh năm 1989 và Nguyễn Trần Quỳnh O, sinh năm 1994. Bà C không yêu cầu xem xét giải quyết về nuôi dưỡng, cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

{2.3}Về tài sản chung, nợ chung*:* Bà C không yêu cầu giải quyết.

{2.4}Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Nguyên đơn bà C phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. *Về hôn nhân*: Cho bà Tràn Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H

2.Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Tràn Thị Kim C phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009287 ngày 22/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ung Thị Ngọc Thanh

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Việt Thành **Phạm Xuân Đính** **Ung Thị Ngọc Thanh**